

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 05 - 8 - 2022  
V/v tranh chấp hôn nhân gia  
đình về “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Văn Chiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phương
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Xin ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST- HN ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, địa chỉ: số 118, tổ 3, ấp Phú Tr, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973, địa chỉ: số 118, tổ 3, ấp Phú Tr, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Căn cứ theo đơn khởi kiện, biên bản không hòa giải được và ý kiến trình bày các bên đương sự thể hiện như sau: Anh, chị tự tìm hiểu quen nhau được thời gian, cha mẹ hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới vào năm 1992, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau đám cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng được vài năm, đến năm 1997 vợ chồng ra làm nhà ở riêng. Quá trình chung sống được hạnh phúc vài năm đầu thì anh T bắt đầu ăn chơi cờ bạc, ăn nhậu không lo làm ăn, chị cũng khuyên can nhưng càng ngày anh T càng bê tha, đi làm không

đem tiền về phụ tiếp chị lo cho con, làm được bao nhiêu tiền thì ăn nhậu, đánh bài, cờ bạc cá độ, chị vì thương con nên cố gồng chịu đựng đến khoảng đầu năm 2019, anh T không thay đổi mà tuyên bố là “Tôi ăn chơi như vậy đó, ở được thì ở, ở không được thì đi đi” nghe nói vậy chị đưa con đi về nhà người bà con sống, anh T tới lui năng nỉ, hứa sửa đổi để lo cho vợ con đến năm 2021 chị vì thương con nên về chung sống lại với anh T. Thời gian sống chung anh T vẫn cờ bạc, đánh số đề, anh đi làm hàng ngày có tiền là đánh số đề không phụ tiếp chị lo cho con, đến cuối năm 2021 chị thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, nên đã ly thân cho đến nay, nay anh T đang sống với người phụ nữ khác bên ngoài, giữa chị và anh T không thể hàn gắn được chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Vương L, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn Nguyễn Thanh T trình bày quá trình chung sống như chị L trình bày, còn lý do mâu thuẫn bên chị L trình bày không đúng, nếu L cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Con chung tên Nguyễn Vương Linh, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành, có gia đình sống riêng nên không có yêu cầu gì.

Tài sản có căn nhà anh đang ở, nhưng anh và chị L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng phần nợ vay Ngân hàng chính sách huyện theo tổ để làm nhà vệ sinh lúc vay 9.000.000đ có trả được 1 phần, nay đáo hạn vay lại, phần này anh tự đứng vay nên ly hôn yêu cầu chị L hỗ trợ anh 4.500.000đ, phần nợ này anh tự trả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh T cư trú: ấp Phú Trung, xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Nên chị L khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L yêu cầu ly hôn với anh T, nên quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 1992 trên cơ sở tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ

cưới, không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo cho cuộc sống gia đình mà tự tìm thú vui riêng cho mình, từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau rồi ly thân sau đó đoàn tụ sống trở lại, nhưng không hạnh phúc đến cuối năm 2021 tiếp tục ly thân cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không tạo điều kiện để hàn gắn mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận, vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó để cho anh, chị có cuộc sống riêng, nên hội đồng xét xử (HĐXX) không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Có 01 đứa tên Nguyễn Vương L, sinh năm 1994. con chung đã trưởng thành, có gia đình sống riêng nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa anh T trình bày trong lúc ra ở riêng vợ chồng có vay tiền ngân hàng chính sách 9.000.000đ để làm nhà cầu hợp vệ sinh, vợ chồng trả góp theo định kỳ, rồi đáo hạn, nay anh yêu cầu chị L hỗ trợ anh số tiền 4.500.000đ để sau này cùng trả cho ngân hàng, tài sản chung do anh đang quản lý, chị L đồng ý, HĐXX xét thấy anh T khai đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, lẽ ra phải đưa Ngân hàng chính sách vào tham gia tố tụng để làm rõ, do tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết, nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị tại phiên tòa, nếu sau này ngân hàng có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị L là người xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;
- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh

Nguyễn Thanh T

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: đã trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: không đặt ra để giải quyết

Ghi nhận chị Nguyễn Thị L giao cho anh Nguyễn Thanh T 4.500.000đ (trong phần tiền vay trả góp cho Ngân hàng Chính sách huyện Phú Tân, tỉnh An Giang), thời gian thực hiện anh chị thỏa thuận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên L thu số 0004443 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Bùi Văn Chiến**